ĐỊA DANH LẠNG GIANG XƯA VÀ NAY

NGUYỄN VĂN TRỌNG*

Theo các thư tịch cổ để lại, chúng ta biết được Lạng Giang là một vùng đất cổ được nhắc tới từ rất sớm trong lịch sử của dân tộc. Phủ Lạng Giang - một địa danh cổ kính đã xuất hiện trước đây hàng trăm năm trong hệ thống các đơn vị hành chính của các triều đại quân chủ Việt Nam suốt thời trung đại. Tuy vậy, sự ra đời của danh xưng Lạng Giang và đơn vị hành chính huyện Lạng Giang với địa danh, duyên cách, địa lý hành chính từ trước tới nay chưa có nhiều công trình nghiên cứu để tâm về mảnh đất này. Trong khi đó, Bắc Giang - Kinh Bắc nói chung và Lạng Giang nói riêng là vùng đất văn vật nằm trong địa hạt của xứ Kinh Bắc xưa - mảnh đất từ lâu đã sản sinh bao giá trị văn hoá góp phần tạo dựng nền văn hiến xứ Bắc với bề dày lịch sử. Đây cũng là yếu tố tạo nên cảm hứng, thu hút giới học giả, các nhà nghiên cứu mỗi khi tìm về với cội nguồn. Nhân kỷ niệm 75 năm thành lập huyện Lạng Giang (1948 - 2023), bài viết tìm về với danh xưng Lạng Giang và sự ra đời của huyện Lạng Giang, hi vọng sẽ góp phần làm sáng tỏ phần nào về sự ra đời của danh xưng - tên gọi Lạng Giang và sự thành lập huyện Lạng Giang trong lịch sử.

Nguồn sử liệu cho chúng ta biết được rằng, dưới thời Hùng Vương dựng nước đất nước ta được chia thành 15 bộ: "Giao Chỉ, Chu Diên, Ninh Sơn, Phúc Lộc, Việt Thường, Ninh Hải, Dương Tuyền, Quế Dương, Vũ Ninh, Hoài Hoan, Cửu Chân, Nhật Nam, Chân Định, Quế Lâm, Tượng Quận" (1), trong đó, vùng đất Lạng Giang nói riêng và cả vùng Bắc Giang rộng lớn nói chung đều nằm trong địa hạt của bộ Vũ Ninh (2). Dưới bộ Vũ Ninh có những cấp hành chính nào, duyên cách, địa dư tới đâu chúng ta chưa được biết, song qua các thư tịch cổ đều thống nhất cho rằng bộ Vũ Ninh nằm ở phía Bắc của sông Nhị Hà (tức sông Hồng) tương đương với vùng đất thuộc hai tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang và vùng phụ cận ngày nay. Cố nhiên, danh xưng Lạng Giang thời kỳ này chưa xuất hiện.

Suốt thời Bắc thuộc, trải các triều đại từ Tần, Hán, Đường,… thống trị nước ta, các triều đại phong kiến phương Bắc đã nhiều lần sắp xếp lại các đơn vị hành chính, thay đổi địa danh, duyên cách vùng lãnh thổ của nước ta. Nhà Hán gọi nước ta là Giao Chỉ, thời Tam Quốc nhà Ngô gọi là Giao Châu sau lại gọi là Giao Chỉ. Dưới châu là các quận, dưới quận là huyện. Thời kỳ này, đất Lạng Giang thuộc về huyện Kê Từ của quận Giao Chỉ. Theo *Thuỷ Kinh Chú*: "… Sông ấy chảy về phía đông nam vào huyện Kê Từ, rồi chảy vào sông giữa. Như thế thì huyện Kê Từ có thể là tương đương với huyện Lạng Giang và huyện Lục Ngạn…" (3). Như vậy, ở thời kỳ này duyên cách, địa lý của huyện Kê Từ là rất rộng lớn, không chỉ bao gồm toàn bộ vùng đất của huyện Lạng Giang ngày nay mà còn có nhiều phần đất khác của tỉnh Bắc Giang như khu vực huyện Lục Nam (4), Lục Ngạn, các xã vùng tả ngạn sông Thương

*Trường Chính trị tỉnh Bắc Giang

của huyện Yên Dũng và khu vực Thành phố Bắc Giang ngày nay.

Có thể thấy, địa danh Kê Từ tồn tại suốt một thời kỳ dài trải từ Hán đến hết thời Lưỡng Tấn (năm 420). Trong thời kỳ Nam Bắc triều (420 - 589), các triều đại Tống, Tề, Lương, Trần kế nghiệp cai trị nước ta cũng đã có những thay đổi về đơn vị hành chính. Cụ thể, nhà Tề đặt quận Giao Chỉ xong đã bỏ đi 3 huyện so với thời Hán đó là "Giao Hưng, Kê Từ, Bắc Đơi" (5). Như vậy, huyện Kê Từ sang tới thời kỳ này đã không còn tồn tại. Trong khi đó, các chính quyền đô hộ thời kỳ này lại đặt thêm một số quận, huyện mới như Tống Bình, Vũ Định, Bình Đại, Long Biên… Mặt dù không được nhắc tới song có lẽ phần đất của huyện Kê Từ thời kỳ này được gộp cả vào trong huyện Long Biên hoặc Vũ Ninh được lập từ thời Lưỡng Tấn. Đặt quận, huyện mà chỉ đặt tên không rõ địa dư, duyên cách tới đâu, tình hình trị an thế nào. Đến khi nhà Tuỳ thống nhất Trung Hoa, hệ thống các đơn vị hành chính được sắp xếp đi vào quy củ hơn. Chính quyền đô hộ Tuỳ, Đường gọi nước ta là Giao Châu, song lại cải thành An Nam đô hộ phủ, dưới An Nam đô hộ phủ là quận, dưới quận là huyện. Giao Châu quận thống quản 8 huyện: Tống Bình, Nam Định, Thái Bình, Giao Chỉ, Chu Diên, Long Biên, Bình Đạo, Vũ Bình. "Đến nhà Tuỳ thì đại khái huyện Long Biên là miền phía bắc sông Đuống, miền sông Cầu và sông Thương…" (6). "Năm Vũ Đức thứ 4 (621) đặt Long Châu ở huyện Long Biên nhà Tuỳ với hai huyện Vũ Ninh và Bình Lạc. Năm Trinh Quán thứ nhất (627) bỏ châu và hai huyện Vũ Ninh, Bình Lạc mà đặt huyện Long Biên cho lệ vào Tiên Châu. Sau bỏ Tiên Châu, cho các huyện cũ ấy thuộc về Long Biên. Chúng ta đã biết Vũ Ninh đời Ngô, đời Tấn là miền Quế Dương, Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh; Tiên Châu lại có núi Tiên Du hoặc núi Tiên Tích, tức là núi Lạn Kha. Như thế thì Long Biên đời Đường cũng có lẽ là gồm miền Tiên Du, Từ Sơn như Long Biên đời Tấn, có lẽ cũng lấn sang cả đất Quế Dương, Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh là đất Long Biên đời Hán nữa" (7). Như vậy thì, huyện Long Biên thời kỳ này là một huyện lớn của quận Giao Châu, kéo dài từ bờ bắc sông Đuống tới khu vực sông Cầu, sông Thương, tương đương với vùng đất của hai tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang và vùng phụ cận, trong đó có huyện Lạng Giang.

Từ năm 905, họ Khúc giành quyền tự chủ cho đến khi Ngô Quyền xưng vương năm 939. Thời kỳ này cơ bản họ Khúc và họ Ngô vẫn cai quản đất nước ta trên nền hành chính cũ của nhà Đường, các địa phương cơ bản vẫn được gọi với các tên châu, quận mà nhà Đường đã đặt trên đất nước ta trước đó. Từ năm 968, sau khi dẹp loạn thập nhị xứ quân, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng đế, mở ra thời kỳ phong kiến độc lập, tự chủ cho đất nước ta cho đến trước khi Lý Công Uẩn đăng quang. Nhà Đinh, Tiền Lê không thấy có sự thay đổi lớn về địa lý, hành chính của đất nước lúc bấy giờ. Sử chép rằng: "Đinh Tiên Hoàng chia nước làm mười đạo, hiện nay không rõ danh hiệu và vị trí các lộ, phủ, châu ấy thế nào, mà sử cũ thì vẫn dùng các tên châu thời Đường…". Mặc dù trong việc nội trị sử cũ có nhắc tới một số vị trí của những địa danh trong thời kỳ này như: Phủ Đô hộ, Đằng châu (năm 1005, Lê Long Đĩnh đổi làm Phủ Thái Bình), Châu Ái, Châu Thái Nguyên, Châu Hoan Đường, Châu Thạch Hà, Châu Đô Lương, Châu Thiên Liễu. Tuy vậy, danh xưng Lạng Giang vẫn chưa thấy xuất hiện trong hệ thống tên gọi các châu, quận, huyện nước ta thời kỳ này.

Đến thời Lý (1009 - 1125), việc sắp xếp các đơn vị hành chính bước đầu đã đi vào quy củ. Sử cũ ghi lại: "Mùa đông, tháng 12 năm Canh Tuất (1010) đổi 10 đạo làm 24 lộ, châu Hoan, châu Ái làm trại" (8). Vua Lý Thái Tổ đổi phép cũ của nhà Tiền Lê, chia nước ra làm 24 lộ. Ngoài lộ thời kỳ này còn có các đơn vị hành chính là phủ và châu. Chính sử chỉ ghi tên 12 lộ trên số 24

lộ, qua phân bố các lộ của nhà Lý trên lãnh thổ, chúng ta có thể biết được: "Lộ Thiên Trường tương đương với phủ Thiên Trường ở đời Trần, tức là miền Đông tỉnh Nam Hà (nay là Nam Định); lộ Quốc Oai tương đương với trấn Quốc Oai đời Trần, là miền Hà Tây trên lưu vực sông Đáy;... lộ Bắc Giang tương đương với lộ Bắc Giang đời Trần, là miền Hà Bắc (nay là vùng Bắc Ninh, Bắc Giang và một số huyện, xã của vùng phụ cận)..." (9). Ngoài lộ thời kỳ này còn có các đơn vị hành chính phủ và châu. Chính sử nhắc tới tên gọi của các châu, phủ như: phủ Thiên Đức, phủ Phụng Thiên, Hoan Châu, Diễn Châu, Ái Châu, Châu Phong, Châu Lạng... Như vậy thời kỳ này, danh từ lộ Bắc Giang và châu Lạng đã xuất hiện. Tuy vậy châu Lạng ở đây không phải để chỉ vùng đất Lạng Giang - Bắc Giang mà "Châu Lạng tương đương với miền Lạng Sơn" (10). Vùng đất Lạng Giang thời kỳ này nằm trong cương vực của lộ Bắc Giang. Nhà Trần và nhà Hồ noi theo phép cũ của nhà Lý, việc phân định các đơn vị hành chính trong cả nước có phần rõ ràng hơn, sách *Đại Viêt sử ký toàn thư* chép: "Mùa xuân, tháng 2 năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 11 (1242), chia nước làm 12 lộ" (11). Theo Phan Huy Chú, đơn vị hành chính địa phương của nhà Trần "Lộ thì thống nhiếp phủ, phủ thống nhiếp châu, châu thống nhiếp huyện..." (12). Ngoài ra, nhà Trần còn đặt các đơn vị: giáp, hương và xã. Có thể thấy rằng các đơn vị hành chính nhà nước dưới thời Trần được đặt khá quy củ. Tuy nhiên, danh xưng - tên gọi, địa dư, duyên cách của các đơn vị hành chính cấp địa phương dưới lộ quả thực chưa hề đề cập đến. Bởi vậy thời kỳ này, chúng ta chỉ biết được rằng vùng đất của huyện Lạng Giang ngày nay vẫn nằm trong địa hạt của lộ Bắc Giang. Dưới lộ Bắc Giang có những huyện nào, địa danh, duyên cách ra sao cũng không thấy nhắc tới, mặc dù một số tài liệu có nhắc tới tên huyện Bảo Lộc và cho rằng tương đương với vùng đất Lạng Giang trong thời kỳ này.

Theo *Đại Nam nhất thống chí,* tới thời thuộc Minh mới đặt 2 phủ Bắc Giang và Lạng Giang "Năm Vĩnh Lạc thứ 5 thời Minh mới đặt 2 phủ Lạng Giang và Bắc Giang" (13). Như vậy, tới năm Vĩnh Lạc thứ 5 thời thuộc Minh (1407), danh xưng Lạng Giang mới chính thức xuất hiện. Theo Đào Duy Anh, thời kỳ này vùng đất phía Bắc sông Hồng tồn tại 2 lộ là *lộ Bắc Giang* và *lộ Lạng Giang*, tương đương với vùng đất lộ Bắc Giang thời Lý và thời Trần. *Lộ Bắc Giang* tương ứng với phần đất khu vực phía bắc sông Hồng cho đến khu vực sông Cầu, *lộ Lạng Giang* tương ứng với phần đất khu vực sông Thương, sông Lục Nam. "Lộ Bắc Giang gồm 3 châu (Gia Lâm, Vũ Ninh, Bắc Giang) và 14 huyện... lộ Lạng Giang gồm 3 châu (Lạng Giang, Nam Sách, Thượng Hồng) và 15 huyện..." (14). Theo *Đại Nam nhất thống chí*, viết là phủ Lạng Giang, còn Đào Duy Anh, viết là lộ Lạng Giang. Như vậy có lẽ ở đây phủ và lộ là tương đương nhau. "Châu Lạng Giang gồm 4 huyện: Yên Thế, Yên Ninh, Cổ Lũng và Bảo Lộc" (15). "Huyện Bảo Lộc, sách *Đại Nam nhất thống chí*, chép rằng huyện Bảo Lộc đặt từ đời Trần về trước, huyện trị ở xã Thọ Xương. Theo vị trí của huyện trị như thế thì biết rằng đó là chỗ thành Xương Giang thời thuộc Minh, tức là phủ Lạng Thương ngày nay. Vậy huyện Bảo Lộc, tức là huyện Lạng Giang, tỉnh Hà Bắc ngày nay" (16). Như vậy đến thời thuộc Minh, vùng đất Lạng Giang nằm trong địa hạt của huyện Bảo Lộc thuộc châu Lạng Giang do lộ - phủ Lạng Giang thống quản.

Như vậy, chúng ta có thể thấy rằng danh xưng Lạng Giang xuất hiện ở đầu thế kỷ XV, nhưng tên gọi này ra đời không phải đơn thuần để gọi cho đơn vị hành chính của huyện Lạng Giang ngày nay mà nó là danh xưng cho cả vùng đất có địa dư lớn hơn rất nhiều. Có khi là tên gọi cho cả một lộ - phủ Lạng Giang rộng lớn bao gồm toàn bộ vùng đất của tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh và khu vực lân cận ngày nay, cũng có

khi để chỉ châu Lạng Giang - một địa danh gồm một số huyện của tỉnh Bắc Giang (Lạng Giang, Lục Nam, Thành phố Bắc Giang, Yên Dũng, Yên Thế, Tân Yên), và huyện Hữu Lũng của tỉnh Lạng Sơn ngày nay. Còn về mặt địa dư, duyên cách của huyện Lạng Giang thời kỳ đó tương đương với huyện Bảo Lộc. Tuy nhiên không hoàn toàn đồng nhất với địa dư của huyện Bảo Lộc, vì huyện Bảo Lộc thời kỳ đó còn bao gồm phần đất thuộc Thành phố Bắc Giang ngày nay và một số xã của các huyện lân cận. Trị sở - huyện lỵ của huyện Bảo Lộc nằm ở xã Thọ Xương, Thành phố Bắc Giang ngày nay, tương đương với lỵ sở phủ Lạng Thương sau này.

Thời Lê sơ, khi mới lên ngôi, Lê Thái Tổ chia cả nước làm 5 đạo: Đông đạo, Tây đạo, Nam, Bắc đạo và đạo Hải Tây. "Năm Quang Thuận thứ 7 (1466), vua Lê Thánh Tông chia cả nước làm 12 đạo thừa tuyên, đổi lộ làm phủ, đổi trấn làm châu…" (17). Bắc Đạo được đổi làm thừa thuyên Bắc Giang. "Năm Quang Thuận thứ 10 (1469), đổi làm thừa tuyên Kinh Bắc, năm Hồng Đức thứ 21 (1490), đổi làm xứ Kinh Bắc, trong đời Hồng Thuận (1509 - 1516), gọi là trấn Kinh Bắc, đời Mạc lấy phủ Thuận An đổi lệ vào trấn Hải Dương, đời Lê năm Quang Hưng thứ 16 (1593), lại cho theo trấn cũ, đầu thời Gia Long vẫn gọi trấn Kinh Bắc thuộc Bắc Thành. Năm Minh Mạng thứ 3 (1822), đổi làm trấn Bắc Ninh, năm thứ 12 (1831), đổi làm tỉnh Bắc Binh" (18). Trấn Kinh Bắc thời Lê hay tỉnh Bắc Ninh thời Nguyễn được chia làm "4 phủ, 20 huyện" (19), trong đó đất Lạng Giang ngày nay thuộc về huyện Bảo Lộc, phủ Lạng Giang. "Huyện Bảo Lộc - Đời Nguyễn năm Tự Đức thứ 5 (1851), bỏ tri huyện, do phủ Lạng Giang kiêm nhiếp, huyện trị ở xã Thọ Xương. Nay là huyện Lạng Giang tỉnh Hà Bắc (tức tỉnh Bắc Giang)" (20). Như vậy, ở thời Lê, Nguyễn vùng đất của huyện Lạng Giang ngày nay có tên là huyện Bảo Lộc. Theo tác giả Nguyễn Văn Huyên trong *Địa lý hành chính Kinh Bắc* thì: "tên huyện tồn tại dưới thời Trần, thời thuộc Minh huyện phụ thuộc châu Lạng Giang, đến thời Lê, Nguyễn thuộc phủ Lạng Giang… Huyện Bảo Lộc cách phủ Lạng Giang 3 dặm về phía Bắc. Từ đông sang tây đo được 65 dặm, từ Bắc xuống Nam 31 dặm. Từ huyện lỵ về phía Đông cho tới ranh giới huyện Lục Ngạn là 62 dặm, về phía tây cho tới con sông ngăn cách nó với huyện Yên Dũng là 3 dặm. Về phía Bắc cho tới huyện Hữu Lũng là 28 dặm. Huyện lỵ nằm trên địa phận xã Thọ Xương. Huyện được đổi tên là Phất Lộc dưới triều vua Thành Thái" (21). Như vậy, tên huyện Bảo Lộc được đổi tên là Phất Lộc từ triều vua Thành Thái (1889 - 1907). Cũng trong thời gian này, năm 1895, thực dân Pháp chia tỉnh Bắc Ninh thành 2 tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang. Huyện Phất Lộc thời kỳ đó thuộc về phủ Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Tên gọi thì như vậy còn địa dư, duyên cách của huyện Bảo Lộc thì hoàn toàn không đồng nhất với huyện Lạng Giang ngày nay. Theo tác giả Nguyễn Văn Huyên, huyện Bảo Lộc gồm 8 tổng, 63 xã (22). So với địa dư của huyện Lạng Giang ngày nay thì huyện Bảo Lộc rộng lớn hơn 3 tổng: Thọ Xương (nay thuộc Thành phố Bắc Giang), Tam Dị (nay thuộc huyện Lục Nam) và Trù Hựu (ngày nay thuộc huyện Lục Ngạn), tương đương với 16 xã. Trong khi đó, đơn vị hành chính của huyện Lạng Giang ngày nay chỉ có 21 xã, thị trấn. Điều đó cho thấy huyện Bảo Lộc về mặt địa dư rộng lớn hơn huyện Lạng Giang ngày nay rất nhiều.

Như trên chúng tôi đã dẫn, tên huyện Bảo Lộc tồn tại đến triều vua Thành Thái nhà Nguyễn thì được đổi là Phất Lộc, có lẽ địa dư, duyên cách cũng như huyện Bảo Lộc (vì nguồn sử liệu không nói tới sự biến đổi địa dư của huyện này). Năm 1919, tên huyện Phất Lộc bị xoá bỏ, năm 1922, huyện Phương Nhãn bị giải thể, toàn bộ đất đai hai huyện gộp cả vào phủ Lạng Giang. Thời kỳ này, phủ Lạng Giang quản lý 13 tổng thuộc 2 huyện Phất Lộc và Phượng Nhãn cũ (ngày nay thuộc phần đất của huyện

Lạng Giang, một số xã của huyện Lục Nam, một số xã vùng tả ngạn sông Thương của huyện Yên Dũng, một số xã của huyện Việt Yên và Thành phố Bắc Giang).

Năm 1942, Thị xã Phủ Lạng Thương được thành lập làm tỉnh lỵ của tỉnh Bắc Giang trên cơ sở của 2 làng Châu Xuyên và Thọ Xương. Sau Cách mạng tháng Tám 1945, đơn vị hành chính cấp tổng bị bãi bỏ, nhiều xã nhỏ được sáp nhập lại thành các liên xã mới. "Ngày 25-3-1948, Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 148/SL quy định bãi bỏ các danh từ phủ, châu, quận. Cấp hành chính trên xã và dưới tỉnh thống nhất gọi chung là huyện. Từ đây đơn vị hành chính phủ Lạng Giang chính thức được đổi thành huyện Lạng Giang" (23). Như vậy phải đến năm 1948 tên gọi huyện Lạng Giang chính thức được ra đời. Trên cơ sở hoán chuyển tên gọi từ phủ Lạng Giang thành huyện Lạng Giang sau Sắc lệnh số 48/SL của Chính phủ. Về địa dư, duyên cách vẫn giữ nguyên trạng, không thay đổi (địa lý hành chính của huyện Lạng Giang vẫn được giữ nguyên như phủ Lạng Giang trước tháng 3-1948).

Tuy nhiên, từ khi tên gọi huyện Lạng Giang được hình thành (1948), cho tới năm 1985, địa lý hành chính của huyện liên tục có sự điều chỉnh. "Năm 1949, thôn Bến Trăm của xã Đào Quán, huyện Lạng Giang được sáp nhập vào xã Việt Hương, huyện Yên Thế" (24). "Năm 1950, xã Tân Mỹ và Chí Minh của huyện Lạng Giang sáp nhập vào huyện Yên Dũng, xã Song Mai sáp nhập vào huyện Việt Yên. Năm 1951, một số xã khu vực tả ngạn sông Thương sáp nhập vào huyện Yên Dũng và Lục Ngạn. Huyện Lạng Giang còn lại 13 xã: Thịnh Liệt, Đào Quán, Phi Mô, Tân Thái, Mỹ Thái, Dĩnh Kế, Tân Hưng, Trí Yên, Cần Dinh, Thọ Xương, Thái Sơn, Tân Dân, Lan Mẫu" (25). Ngày 6-9-1952, Tỉnh Ủy Bắc Giang quyết định sáp nhập 5 xã phía Nam của huyện Lạng Giang là Tân Dân, Trí Yên, Thái Sơn, Dĩnh Kế và Lan Mẫu vào huyện Yên Dũng.

Ngày 1-2-1955, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 451-TTg quyết định tái lập Thị xã Phủ Lạng Thương, trực thuộc tỉnh Bắc Giang. Thực hiện Nghị định số 24-TTg ngày 21-1-1957 của Thủ tướng Chính phủ cắt 7 xã Hoà Bình, Tam Dị, Bảo Đài, Bảo Sơn, Tiên Hưng, Phương Sơn, Tân Lập ra khỏi Lạng Giang để cùng với một số xã của Yên Dũng và Lục Ngạn để thành lập huyện Lục Nam. Năm 1959, đổi tên Thị xã Phủ Lạng Thương thành Thị xã Bắc Giang. Năm 1961, các xã Dĩnh Kế, Dĩnh Trì, Thái Đào, Đại Lâm của huyện Yên Dũng được nhập lại về huyện Lạng Giang.

Ngày 27-10-1962, tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội khoá II, quyết định hợp nhất tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang thành tỉnh Hà Bắc. Thị xã Bắc Giang được đặt làm tỉnh lỵ. Huyện Lạng Giang thuộc tỉnh Hà Bắc. Ngày 14-3-1963, cắt xã Thọ Xương từ huyện Lạng Giang về Thị xã Bắc Giang. Năm 1985, xã Dĩnh Kế nhập về Thị xã Bắc Giang. Năm 1997, tỉnh Bắc Giang được tái lập, huyện Lạng Giang thuộc về tỉnh Bắc Giang.

Năm 2011, xã Dĩnh Trì nhập vào Thành phố Bắc Giang. Ngày 21-11-2019, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 813/NQ-UBTVQH14 "về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Bắc Giang". Theo đó, xã Tân Thịnh được sáp nhập vào Thị trấn Kép, xã Phi Mô sáp nhập vào Thị trấn Vôi. Sau sáp nhập huyện Lạng Giang còn 21 đơn vị hành chính, đó là: Hương Sơn, Quang Thịnh, Thị trấn Kép, Tân Thanh, Nghĩa Hoà, Nghĩa Hưng, Đào Mỹ, Tiên Lục, Hương Lạc, An Hà, Yên Mỹ, Xương Lâm, Thị trấn Vôi, Tân Dĩnh, Mỹ Thái, Tân Hưng, Đại Lâm, Thái Đào, Mỹ Hà, Xuân Hương, Dương Đức, với tổng diện tích địa lý tự nhiên là 24.401 ha diện mạo như ngày nay.

Trải qua 616 năm Danh xưng Lạng Giang (1407 - 2023) và 75 năm thành lập huyện Lạng Giang (1948 - 2023), có thể thấy qua biết bao biến thiên thăng trầm

của lịch sử, địa danh Lạng Giang đã xuôi cùng dòng chảy với lịch sử dân tộc, đổi thay theo từng thời kỳ. Từ đơn vị hành chính cấp phủ, lộ mang danh xưng đại diện cho một vùng đất rộng lớn tương đương cả miền Bắc Giang ngày nay, đến nay, Lạng Giang chỉ còn là một đơn vị hành chính cấp huyện của tỉnh Bắc Giang. Có thể thấy, trong các đơn vị hành chính cấp huyện của tỉnh Bắc Giang, Lạng Giang đã kế thừa được danh xưng của phủ Lạng Giang xưa - một vùng đất văn hiến cổ kính, giàu truyền thống đã để lại nhiều dấu ấn đậm nét. Ngày nay, huyện Lạng Giang có diện tích tự nhiên 24.401 ha, dân số 216.996 người, 21 đơn vị hành chính xã, thị trấn. Lạng Giang ngày nay là một huyện trung du của tỉnh Bắc Giang, huyện lỵ cách Thành phố Bắc Giang 10km về phía Bắc, có đường Quốc lộ 1A chạy qua. Mặc dù không nằm trong tỉnh lỵ của tỉnh Bắc Giang, song, với vị trí địa lý thuận lợi, kế thừa và phát huy giá trị truyền thống của vùng đất văn hiến phủ Lạng Giang xưa, anh hùng trong kháng chiến, cần cù trong lao động, trong những năm qua, Đảng bộ, chính quyền, nhân dân các dân tộc huyện Lạng Giang đã đoàn kết một lòng, ra sức thi đua, gìn giữ, phát huy những giá trị văn hoá tốt đẹp của đất và người Lạng Giang, đưa Lạng Giang trở thành 1 trong 4 huyện được xác định là vùng trọng điểm phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Giang.

CHÚ THÍCH

(1), (3), (5), (6), (7), (9), (10). Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời,* Nxb. Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2010, tr. 17, 46, 82, 85, 97, 120, 121.

(2). Nguyễn Văn Huyên, *Địa lý hành chính Kinh Bắc,* Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Sở Văn hoá thông tin Bắc Giang xuất bản, Hà Nội, 1997, tr.7.

(4). Huyện Lục Nam được thành lập theo Nghị định 24-TTg của Thủ tướng Chính phủ năm 1957 trên cơ sở tách một số xã của huyện Lạng Giang, Lục Ngạn và Yên Dũng thành lập một huyện mới lấy tên là Lục Nam thuộc tỉnh Bắc Giang.

(8). Ngô Sỹ Liên và các sử thần triều Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Nxb. Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2004, tr. 261-262.

(11). *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2004, tr. 454.

(12). Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 2, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1961, tr. 8.

(13). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 60.

(14), (15), (16), (17), (18), (19), (20). Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời,* sđd, tr. 134-138, 128, 129, 172, 179, 172, 180.

(21). Nguyễn Văn Huyên, *Địa lý hành chính Kinh Bắc,* Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Sở Văn hoá thông tin Bắc Giang xuất bản, Hà Nội, 1997, tr. 190, 191.

(22). Tổng Mỹ Thái gồm 9 xã: Mỹ Thái, Yên Mỹ, Chuyên Mỹ, Tuấn Mại, Thị Mại, Dương Quan (nay là các xã: Dương Đức, Mỹ Thái, Tân Thanh, Xuân Hương của huyện Lạng Giang); tổng Đào Quán gồm 7 xã: Đào Quán, Nghĩa Trang, Cổ Trang, Khoát Giã, Sơn Lục, Mỹ Phúc, Mỹ Lộc (nay là các xã: Đào Mỹ, Nghĩa Hưng, Tiên Lục, Mỹ Hà của huyện Lạng Giang); Tổng Thọ Xương gồm 7 xã (ngày nay thuộc các phường: Lê Lợi, Trần Phú, Trần Nguyên Hãn, Ngô Quyền, Thọ Xương, Xương Giang của Thành phố Bắc Giang); tổng Thịnh Liệt gồm 7 xã: Thịnh Liệt, Trung Hoà, Yên Thịnh, Trị An, Vĩ Liệt, Liệt Hạ, Nghĩa Liệt (nay là các xã: An Hà, Nghĩa Hoà, Quang Thịnh, Thị trấn Kép của huyện Lạng Giang); Tổng Phi Mô gồm 7 xã: Phi Mô, Quảng Mô, Dĩnh Xuyên, Dĩnh Cầu, Dĩnh Lục, Lễ Hoa hay Lê Nhượng, Phú Xuyên (nay thuộc các xã: Tân Dĩnh, Xương Lâm và một phần Thị trấn Vôi); Tổng Cần Dinh gồm 7 xã: Cần Dinh, Yên Lại, Tiêu Nhượng, Trung Phụ, Chu Nguyên hay làng Vôi, Yên Lạc hay Hâm Mô - làng Tổ Rồng, Tiên Lệ (nay thuộc các xã: Hương Lạc, Hương Sơn, Tân Hưng, Yên Mỹ và một phần Thị trấn Vôi); Tổng Tam Dị gồm 8 xã (nay thuộc các xã: Bảo Sơn, Đông Phú, Đông Hưng và Tam Dị, huyện Lục Nam); Tổng Trù Hựu gồm 11 xã (nay thuộc các xã: Đồng Cốc, Mỹ An, Nghĩa Hồ, Phượng Sơn, Quý Sơn và Thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn).

(23), (25). Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Lạng Giang, *Lịch sử Đảng bộ huyện Lạng Giang (1930 - 2020)*, Nxb. Hồng Đức, 2020, tr. 30.

(24). Nguyễn Quang Ân, *Những thay đổi địa danh và địa giới hành chính (1945-2009)*, Nxb. Thông Tấn, Hà Nội, 2003, tr. 180-181.